

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số

DỰ THẢO

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định) với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

a) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định yêu cầu hoàn thiện thể chế phát triển, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, phát huy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và tăng cường thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện.

b) Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV xác định yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Việc bổ sung khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát theo hướng xác định trước phạm vi, điều kiện và cơ chế giám sát, sau đó tăng cường kiểm tra trong quá trình hoạt động phù hợp với định hướng này.

c) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị xác định yêu cầu xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối

với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; đồng thời nghiên cứu xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ. Đây là cơ sở chính trị trực tiếp cho việc bổ sung mô hình khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trong dự thảo Nghị định.

d) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị và Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng nguồn lực; bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách, đồng thời cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện, thủ tục hành chính bất hợp lý. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng này, nhất là việc đơn giản hóa thủ tục đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực.

đ) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định yêu cầu xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, chi phí thấp; tiếp tục cắt giảm điều kiện kinh doanh, thời gian và chi phí tuân thủ; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm và hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới dựa trên công nghệ và nền tảng số. Việc bổ sung cơ chế khu vực thử nghiệm và rút gọn quy trình cấp phép đối với doanh nghiệp trong khu vực góp phần cụ thể hóa các yêu cầu này.

e) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng để phát triển đất nước; đồng thời yêu cầu khẩn trương hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, giải phóng nguồn lực và khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là một trong những giải pháp cụ thể để thực hiện định hướng này trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

g) Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài chất lượng cao, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc hoàn thiện môi trường pháp lý cho nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

h) Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ là căn cứ trực tiếp để thực hiện phân cấp, phân quyền cho địa phương và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực thử nghiệm có kiểm soát. Dự thảo Nghị định cụ thể hóa Nghị quyết này thông qua việc phân định rõ thẩm quyền giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; đồng thời cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và rút ngắn thời hạn giải quyết một số thủ tục.

Việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số của Chính phủ đã bám sát các kết luận, nghị quyết nêu trên của Bộ Chính trị và Trung ương.

1.2. Cơ sở pháp lý

a) Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 quy định:

“Điều 21. Yêu cầu chung đối với thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới

6. Căn cứ vào yêu cầu quản lý thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực, Chính phủ được ban hành văn bản quy định chi tiết khoản 3 Điều này và các nội dung cần thiết để xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại phiên họp, kỳ họp gần nhất.”.

b) Luật Công nghiệp công nghệ số 2025 quy định:

“Điều 8. Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Tổ chức, doanh nghiệp được triển khai thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về công nghiệp công nghệ số.”.

c) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 quy định:

+ “Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.

...

4. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

b) Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều.”

+ “Điều 14. Nghị định, nghị quyết của Chính phủ

1. Chính phủ ban hành nghị định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.”

+ “Điều 50 Luật Ban hành VBQPPL quy định về trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây: b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn;...

2. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn: ”.

Căn cứ các cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên, dự thảo Nghị định không thay đổi phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Dự thảo bổ sung **05** điều mới (Điều 15a, Điều 15b, Điều 16a, Điều 17a và Điều 22a), sửa đổi, bổ sung **10** điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP (Điều 5, Điều 6, Điều 16, Điều 18, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 27, Điều 29 và Điều 31) và sửa đổi, bổ sung Phụ lục; tổng số điều sửa đổi và bổ sung mới là **15/36** điều, chưa đến một phần hai tổng số điều. Theo đó, việc ban hành dưới hình thức Nghị định sửa đổi, bổ sung là phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không thuộc trường hợp phải ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.

2. Cơ sở thực tiễn

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đã bước đầu tạo cơ sở pháp lý để triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Trong quá trình tổ chức thực hiện, một số địa phương đã chủ động nghiên cứu, xây dựng và triển khai các mô hình thử nghiệm cụ thể, qua đó bước đầu kiểm chứng tính khả thi của cơ chế sandbox trong thực tiễn.

Bên cạnh cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, việc triển khai các chính sách về nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao cũng đặt ra yêu cầu cần thống nhất cách xác định đối tượng trong thực tiễn. Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định các nhóm và tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; tuy nhiên, cách diễn đạt tại Điều 5 và cụm từ “tham gia trực tiếp” tại khoản 2 Điều 6 có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau khi xác định phạm vi nhân lực thuộc nhóm này. Trong khi đó, Luật Công nghiệp công nghệ số đã xác định rõ khái niệm “nhân lực công nghiệp công nghệ số” và nội hàm bao gồm người tham gia

sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số hoặc quản lý hoạt động công nghiệp công nghệ số. Vì vậy, việc rà soát, thống nhất thuật ngữ và cách xác định đối tượng tại Điều 5 và Điều 6 là cần thiết, góp phần bảo đảm áp dụng thống nhất chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.

Về cơ chế thử nghiệm: thời gian qua, tỉnh Điện Biên đã phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai thử nghiệm có kiểm soát phát triển kinh tế tầm thấp ứng dụng phương tiện bay không người lái (UAV). Ngày 23/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định số 1291/QĐ-UBND về cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số phát triển kinh tế tầm thấp sử dụng UAV trên địa bàn tỉnh. Theo kế hoạch, chương trình dự kiến thực hiện khoảng 6.000 chuyến bay, tập trung vào các ứng dụng như vận chuyển nông sản, vật tư nông nghiệp, thuốc men, mẫu xét nghiệm và hàng hóa thiết yếu.

Thực tiễn tại Điện Biên cho thấy cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo từng hồ sơ, từng sản phẩm, dịch vụ đã bước đầu đáp ứng được nhu cầu thử nghiệm cụ thể của địa phương. Tuy nhiên, quá trình triển khai cũng cho thấy đối với các bài toán có phạm vi không gian rộng, cần tổ chức nhiều hoạt động thử nghiệm, có nhiều doanh nghiệp tham gia hoặc liên quan đến nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, logistics, y tế, cứu hộ, cứu nạn thì việc xác định riêng phạm vi, điều kiện, yêu cầu kỹ thuật, biện pháp an toàn và cơ chế quản lý cho từng hoạt động có thể làm tăng thời gian và chi phí tổ chức thử nghiệm.

Nhu cầu xây dựng không gian, khu vực hoặc hành lang thử nghiệm cũng đang xuất hiện tại một số địa phương khác. Tại tỉnh Tây Ninh, ngày 19/6/2026, trong quá trình làm việc về phát triển các công nghệ chiến lược, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đề nghị tỉnh cụ thể hóa các bài toán, vùng bay, phạm vi thử nghiệm và cơ chế sandbox đối với UAV, kinh tế tầm thấp; đồng thời yêu cầu phương án có độ mở, có khả năng điều chỉnh trong quá trình triển khai.

Ngày 21/8/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 15393/QĐ-UBND phê duyệt Chiến lược phát triển hệ sinh thái phương tiện không người lái giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Trong đó, giai đoạn 2026–2027 tỉnh dự kiến hình thành một hành lang thử nghiệm, thiết lập ít nhất 03 khu vực, đường bay có kiểm soát và đưa vào vận hành tối thiểu một Trung tâm Thử nghiệm, Đào tạo, Sát hạch phương tiện không người lái; đồng thời định hướng triển khai các ứng dụng UAV trong nông nghiệp, logistics, tài nguyên và môi trường, giám sát hạ tầng, cứu hộ, cứu nạn, quản lý biên giới và các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác. Thực tiễn của Tây Ninh cho thấy nhu cầu của địa phương đang chuyển từ thử nghiệm một sản phẩm, dịch vụ cụ thể sang chủ động kiến tạo một không gian thử nghiệm có hạ tầng, phạm vi, điều kiện kỹ thuật và cơ chế quản lý chung,

trong đó có thể tiếp nhận nhiều hoạt động thử nghiệm khác nhau theo nhu cầu phát triển của địa phương. Đây là nhu cầu thực tế mà cơ chế hiện hành của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP chưa có quy định riêng để địa phương chủ động xác lập và vận hành một khu vực thử nghiệm theo cách tiếp cận này.

Bên cạnh đó, thực tiễn triển khai UAV tại các địa phương cũng cho thấy các công nghệ mới thường có tính liên ngành, liên lĩnh vực và chịu sự điều chỉnh đồng thời của nhiều quy định pháp luật khác nhau. Ví dụ, hoạt động UAV có thể đồng thời liên quan đến hàng không, quốc phòng, an ninh, tần số vô tuyến điện, logistics, nông nghiệp, y tế và bảo vệ môi trường. Việc hình thành một khu vực thử nghiệm cho phép địa phương xác định trước phạm vi, điều kiện kỹ thuật, yêu cầu an toàn, cơ chế giám sát và phương án xử lý rủi ro, từ đó tạo môi trường ổn định để nhiều hoạt động thử nghiệm được triển khai, đồng thời giảm việc phải xử lý lặp lại những nội dung chung đối với từng hồ sơ.

Qua tổng kết thực tiễn triển khai Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và nhu cầu phát sinh tại các địa phương cho thấy, cơ chế thử nghiệm theo từng sản phẩm, dịch vụ vẫn cần được duy trì, nhưng cần bổ sung một phương thức tổ chức thử nghiệm theo khu vực để đáp ứng những trường hợp cần thử nghiệm trong một không gian thực tế ổn định, có nhiều hoạt động, nhiều doanh nghiệp hoặc có tính liên ngành, liên lĩnh vực. Ngoài ra, cần tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, gắn thẩm quyền quyết định với trách nhiệm quản lý trực tiếp địa bàn; đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro. Đây là cơ sở thực tiễn trực tiếp để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP theo hướng một hệ thống thử nghiệm có kiểm soát với hai phương thức: thử nghiệm đối với từng sản phẩm, dịch vụ và thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

a) Hoàn thiện hành lang pháp lý về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, bảo đảm đồng bộ với Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bổ sung phương thức tổ chức thử nghiệm theo khu vực để đáp ứng các bài toán cần triển khai trong điều kiện thực tế, liên ngành, liên lĩnh vực.

b) Hoàn thiện tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, bảo đảm thống nhất với khái niệm “nhân lực công nghiệp công nghệ số” tại khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số; làm rõ cách xác định nhóm nhân lực công nghiệp công nghệ số đang làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số,

góp phần bảo đảm áp dụng thống nhất chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.

c) Khắc phục những hạn chế, bất cập phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; phân định rõ hai phương thức tổ chức thử nghiệm: thử nghiệm đối với từng sản phẩm, dịch vụ và thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Từng hoạt động thử nghiệm đều phải được cấp phép và áp dụng thống nhất các cơ chế quản lý sau cấp phép, nhưng có sự khác biệt về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự và thời hạn giải quyết.

d) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền địa phương; giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động xác định khu vực thử nghiệm, phê duyệt Phương án tổ chức khu vực, quyết định cơ chế quản lý, giám sát và giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cấp phép cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm trong khu vực phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Một là, tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, phân cấp, phân quyền, tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật Công nghiệp công nghệ số và pháp luật có liên quan.

Hai là, kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định còn hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện; bảo đảm tính khả thi, rõ ràng, minh bạch và thuận lợi trong quá trình áp dụng, thi hành.

Ba là, đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, thống nhất việc sử dụng khái niệm với Luật Công nghiệp công nghệ số, theo đó nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao trước hết phải thuộc khái niệm “nhân lực công nghiệp công nghệ số” quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật.

Bốn là, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức và quản lý hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; việc phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro và bảo đảm an toàn trong quá trình thử nghiệm.

Năm là, xây dựng cơ chế thử nghiệm theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc thù của công nghệ số; phân định rõ giữa thử nghiệm đối với từng sản phẩm, dịch vụ và thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm có kiểm soát; tạo điều kiện cho nhiều hoạt động thử nghiệm được triển khai đồng thời, bao gồm hoạt động thử nghiệm

liên ngành, liên lĩnh vực, nhưng vẫn bảo đảm phạm vi, điều kiện và cơ chế kiểm soát rủi ro được xác định rõ.

Sáu là, bảo đảm nguyên tắc quản lý rủi ro, an toàn, an ninh, bảo vệ dữ liệu, môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đồng thời tăng cường sự phối hợp, quản lý, giám sát và đánh giá trong quá trình thử nghiệm, không tạo thêm rào cản không cần thiết đối với nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai các công việc sau:

1. Gửi Công văn số /BKHCN-CNCNCTT ngày .../.../2026 xin ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định; đăng tải hồ sơ xin ý kiến Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Ngày ..., Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số .../BKHCN-CN kèm theo hồ sơ Nghị định đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định. Bộ Tư pháp đã tổ chức họp ngày... và có Báo cáo thẩm định số.../BCTĐ-BTP ngày...

3. Bộ Khoa học và Công nghệ đã giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (tại Báo cáo số ... /BC-BKHCN ngày ... gửi kèm theo) và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

...

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định không làm thay đổi phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; tập trung hoàn thiện các quy định về tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong phạm vi các nội dung đã được Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giao Chính phủ quy định chi tiết. Cụ thể, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng vẫn giữ như Nghị định số 353/2025/NĐ-CP như sau:

- *Phạm vi điều chỉnh*: Nghị định quy định về hoạt động công nghiệp công nghệ số; tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số; thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

- *Đối tượng áp dụng*: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước

và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 05 điều và Phụ lục, cụ thể:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 về tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.

- Điều 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

+ Bổ sung Điều 15a về khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát;

+ Bổ sung Điều 15b về phạm vi hoạt động khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát;

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 16 về thẩm quyền;

+ Bổ sung Điều 16a về xác định, điều chỉnh và chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát;

+ Bổ sung Điều 17a về thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát;

+ Bổ sung Điều 22a về cơ chế pháp lý trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát;

+ Sửa đổi, bổ sung một số Điều, khoản, cụm từ và Phụ lục.

- Điều 3: Quy định về hiệu lực thi hành.

- Điều 4: Quy định chuyển tiếp.

- Điều 5: Quy định trách nhiệm thi hành.

- Phụ lục quy định các mẫu biểu sửa đổi, bổ sung.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Hoàn thiện tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao

a) Sự cần thiết

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao tại Điều 5 và Điều 6. Tuy nhiên, cách diễn đạt tại Điều 5 chưa thống nhất hoàn toàn với khái niệm “nhân lực công nghiệp công nghệ số” đã được quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số; đồng thời khoản 2 Điều 6 sử dụng cụm từ “tham gia trực tiếp vào hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp”, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau trong

quá trình xác định đối tượng. Do đó, cần thống nhất cách sử dụng khái niệm trong Nghị định số 353/2025/NĐ-CP với khái niệm đã được Luật quy định, đồng thời tránh đặt thêm cách hiểu về mức độ “trực tiếp” không cần thiết.

b) Nội dung sửa đổi

Dự thảo sửa đổi câu dẫn Điều 5 theo hướng:

“Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là *nhân lực công nghiệp công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số*, thuộc một trong các đối tượng sau đây:”

Việc sửa đổi nhằm thống nhất khái niệm “nhân lực công nghiệp công nghệ số” trong Nghị định với Luật Công nghiệp công nghệ số; Nghị định chỉ quy định các nhóm và tiêu chí để xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, không đặt ra một khái niệm riêng hoặc tiêu chí khác với khái niệm đã được Luật xác định.

Đồng thời, dự thảo sửa đổi câu dẫn khoản 2 Điều 6 theo hướng:

“2. Là nhân lực công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp, thuộc một trong các trường hợp sau:”

Việc sửa đổi không làm thay đổi các tiêu chí cụ thể tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 6, bao gồm các tiêu chí về thu nhập đối với người Việt Nam và người nước ngoài, bảo đảm mối quan hệ thống nhất giữa Luật và Nghị định.

c) Quy định chuyển tiếp

Để bảo đảm quyền và lợi ích của các cá nhân đã được xác định theo quy định hiện hành, dự thảo bổ sung quy định chuyển tiếp theo hướng: cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo các tiêu chí của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP trước ngày Nghị định sửa đổi có hiệu lực thì tiếp tục được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo các tiêu chí đã được áp dụng trong thời gian hưởng chính sách theo quy định của pháp luật.

3.2. Quy định về khu vực thử nghiệm có kiểm soát

a) Kinh nghiệm quốc tế và sự cần thiết bổ sung khu vực thử nghiệm

Kinh nghiệm của một số quốc gia cho thấy, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) được thiết kế nhằm tạo môi trường pháp lý phù hợp để triển khai thử nghiệm công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới trong phạm vi, thời gian và điều kiện xác định; qua đó đánh giá tính khả thi, mức độ an toàn, tác động thực tiễn và làm cơ sở hoàn thiện quy định pháp luật.

Tại Nhật Bản, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được thiết lập trong khuôn

khô Luật Đặc khu chiến lược quốc gia¹, được bổ sung thông qua Luật số 34 năm 2020 sửa đổi Luật Đặc khu chiến lược quốc gia. Cơ chế này được triển khai dưới hình thức Sandbox giới hạn theo khu vực (Sandbox vùng)², nhằm tạo điều kiện triển khai nhanh chóng và thuận lợi các thử nghiệm thực tế đối với công nghệ tiên tiến trong trường hợp việc áp dụng đầy đủ các quy định, thủ tục cấp phép hiện hành có thể làm chậm hoặc cản trở quá trình thử nghiệm.

Sandbox vùng của Nhật Bản không được thiết kế theo hướng loại trừ việc áp dụng pháp luật, mà là cơ chế tích hợp, đơn giản hóa và áp dụng có điều kiện một số thủ tục pháp lý đối với một thử nghiệm cụ thể, trong một địa bàn và khoảng thời gian xác định. Việc triển khai được thực hiện trên cơ sở Kế hoạch khu vực về thử nghiệm công nghệ, do Hội đồng Đặc khu chiến lược quốc gia phối hợp với doanh nghiệp và chính quyền địa phương xây dựng; sau khi kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ chứng nhận, các cơ chế đặc biệt tương ứng mới phát sinh hiệu lực.

Theo đó, kế hoạch thử nghiệm phải xác định rõ chủ thể thực hiện, mục đích, phương pháp thử nghiệm, địa điểm hoặc phạm vi thử nghiệm, thời gian thực hiện, công nghệ, phương tiện, thiết bị sử dụng, các quy định pháp luật có liên quan và biện pháp bảo đảm an toàn phù hợp. Sau khi được chứng nhận, tùy từng loại thử nghiệm, pháp luật có thể cho phép không áp dụng một số tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể hoặc coi một số giấy phép, chấp thuận theo pháp luật chuyên ngành là đã được cấp; tuy nhiên, phạm vi áp dụng chỉ giới hạn trong nội dung, địa điểm, thời gian và điều kiện đã được xác định trong kế hoạch được chứng nhận.

Tại Hàn Quốc, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được triển khai trong khuôn khổ Đặc khu tự do quy định (Regulation-Free Special Zone)³ theo Luật về các trường hợp đặc biệt trong quản lý quy định đối với Đặc khu tự do quy định và Đặc khu phát triển kinh tế chuyên biệt địa phương⁴. Luật sửa đổi năm 2018 đã bổ sung mô hình Đặc khu tự do quy định, đồng thời thiết lập ba công cụ sandbox gồm: xác định nhanh quy định, cơ chế đặc biệt để thử nghiệm và giấy phép tạm thời nhằm hỗ trợ triển khai các dự án tăng trưởng đổi mới hoặc ngành chiến lược địa phương.

Việc hình thành và vận hành Đặc khu tự do quy định của Hàn Quốc được thực hiện trên cơ sở Kế hoạch Đặc khu tự do quy định, trong đó xác định cụ thể dự án tăng trưởng đổi mới hoặc ngành chiến lược địa phương, chủ thể thực hiện, nhu cầu áp dụng cơ chế đặc biệt về quy định, phạm vi không gian áp dụng và các công

¹ Luật năm 2013 và các phiên bản sửa đổi, bổ sung: <https://hourei.ndl.go.jp/simple/detail?current=-1&lawId=0000130906>

² <https://www.chisou.go.jp/tiiki/kokusentoc/topic01.html>

³ Các nội dung nghiên cứu được tham khảo từ Luật số 21285 ngày 30/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026: https://www.law.go.kr/LSW/lsInfoP.do?lsId=009641&utm_source=chatgpt.com#0000

⁴ Lịch sử các lần sửa đổi, bổ sung của Luật:

<https://www.law.go.kr/LSW/lsRvsDocListP.do?chrClsCd=010202&lsId=009641&lsRvsGubun=all>

cụ sandbox cần sử dụng. Bộ trưởng Bộ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Khởi nghiệp là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch và chỉ định Đặc khu tự do quy định sau khi lấy ý kiến các cơ quan hành chính trung ương có liên quan và trình Ủy ban Đặc khu tự do quy định do Thủ tướng làm Chủ tịch thẩm định, biểu quyết. Đối với cơ chế thử nghiệm đặc biệt của Hàn Quốc, trường hợp sản phẩm, dịch vụ mới sử dụng công nghệ mới chưa có quy định pháp luật phù hợp, tiêu chuẩn hiện hành không phù hợp hoặc không thể thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định hiện hành thì có thể được xem xét áp dụng một phần hoặc toàn bộ quy định liên quan theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong phạm vi được xác định. Bên cạnh đó, đối với sản phẩm, dịch vụ đã được kiểm chứng về an toàn nhưng chưa thể được cấp phép chính thức do pháp luật chưa có tiêu chuẩn, quy cách hoặc điều kiện phù hợp, có thể áp dụng cơ chế giấy phép tạm thời để tạo điều kiện tiếp tục triển khai trong thời hạn nhất định.

Từ kinh nghiệm quốc tế trên có thể tham khảo ba nguyên tắc: (i) xác định trước không gian, phạm vi, thời gian và điều kiện thử nghiệm; (ii) xây dựng kế hoạch, phương án tổng thể để xác định yêu cầu an toàn, quản lý rủi ro và cơ chế pháp lý áp dụng; và (iii) gắn việc tổ chức thử nghiệm với cơ chế quản lý, giám sát và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền. Dự thảo Nghị định không sao chép mô hình của Nhật Bản, Hàn Quốc mà lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với pháp luật Việt Nam, theo hướng tăng cường phân cấp cho địa phương, đồng thời duy trì trách nhiệm quản lý nhà nước và phối hợp của các cơ quan có liên quan.

b) Sự phù hợp với chủ trương, chính sách và quy định pháp luật hiện hành

Việc bổ sung khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát phù hợp với chủ trương hoàn thiện thể chế thử nghiệm có kiểm soát, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm và tăng cường phân cấp, phân quyền; đồng thời bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc quản lý và thẩm quyền quy định chi tiết được giao tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Công nghiệp công nghệ số và pháp luật có liên quan.

(i) Phù hợp với chủ trương hoàn thiện thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định yêu cầu *“xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm.*

Nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ

theo mô hình tiên tiến của thế giới. Thực hiện định danh, công nhận, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.”

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tiếp tục đặt ra yêu cầu *“khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực”*.

Việc bổ sung khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát là bước cụ thể hóa các chủ trương nêu trên theo hướng chuyển từ phương thức xử lý từng hồ sơ, từng sản phẩm, dịch vụ sang phương thức quản lý theo môi trường thử nghiệm đã được xác định trước về phạm vi, điều kiện, mức độ rủi ro và cơ chế giám sát; qua đó tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp cùng tham gia giải quyết các bài toán thực tế của địa phương.

(ii) Phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Công nghiệp công nghệ số

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 quy định thử nghiệm có kiểm soát là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm trong điều kiện thực tế có giới hạn về phạm vi, thời gian, không gian; đồng thời quy định nội dung thử nghiệm bao gồm thẩm quyền, nguyên tắc xét duyệt, trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, gia hạn, tạm dừng, kết thúc, thời gian, không gian, cơ chế giám sát và kiểm soát quá trình thử nghiệm. Luật cũng giao Chính phủ quy định chi tiết và các nội dung cần thiết để xử lý vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Đây là cơ sở trực tiếp để hoàn thiện cơ chế khu vực thử nghiệm trong dự thảo Nghị định.

Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định tổ chức, doanh nghiệp được triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về công nghiệp công nghệ số. Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện đã là văn bản quy định biện pháp thi hành Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số và quy định chi tiết Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Dự thảo tiếp tục hoàn thiện chính cơ chế này, không mở rộng phạm vi điều chỉnh sang một lĩnh vực quản lý mới.

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện đã cho phép xác định các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khác trong Quyết định cấp phép thử nghiệm, trong phạm vi thời gian, không gian, đối tượng và điều kiện được xác định. Dự thảo không tạo ra một cơ chế loại trừ hoặc miễn trừ pháp luật chung

mới mà chuyển một phần việc xác định trước cơ chế pháp lý từ từng hồ sơ sang Phương án tổ chức khu vực và Quyết định xác định khu vực thử nghiệm.

Khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát không phải là một loại khu chức năng mới và cũng không phải là cơ chế miễn trừ pháp luật chung. Đây là một phạm vi thử nghiệm được xác định trước về ranh giới hoặc giới hạn kỹ thuật, lĩnh vực, nhóm sản phẩm, yêu cầu vận hành, cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro; trong đó mỗi hoạt động thử nghiệm cụ thể vẫn phải được cấp phép.

(iii) Phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền

Việc giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực thử nghiệm phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền và Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Địa phương là cơ quan trực tiếp quản lý địa bàn, nắm rõ điều kiện hạ tầng, nhu cầu phát triển, khả năng kiểm soát rủi ro và tác động xã hội của hoạt động thử nghiệm. Quyền quyết định được gắn với trách nhiệm tổ chức, quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro và xử lý vấn đề phát sinh; các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục thực hiện quản lý nhà nước, hướng dẫn chuyên môn, giám sát và phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Nội dung chính của quy định về khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

(i) Về các phương thức tổ chức thử nghiệm

Dự thảo duy trì cơ chế cấp phép thử nghiệm đối với từng sản phẩm, dịch vụ và bổ sung trường hợp cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép. Các nội dung chung đã được xác định tại Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực không phải đánh giá, thẩm định lại. Cả hai phương thức đều yêu cầu từng hoạt động thử nghiệm cụ thể phải được cấp phép và áp dụng thống nhất các cơ chế quản lý sau cấp phép; đối với thử nghiệm trong khu vực, các nội dung chung về khu vực, điều kiện vận hành, an toàn, giám sát và cơ chế pháp lý đã được xác định trước.

(ii) Nội dung chính về khu vực thử nghiệm

Dự thảo thiết kế một hệ thống thử nghiệm có kiểm soát với hai phương thức:

- Thứ nhất: thử nghiệm đối với từng sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

- Thứ hai: thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định.

Khu vực thử nghiệm có thể được xác định theo ranh giới địa lý hoặc giới

hạn kỹ thuật, bao gồm khu vực địa lý, tuyến, hành lang, không gian số hoặc phạm vi vận hành cụ thể. Cách quy định này cho phép địa phương lựa chọn khu vực phù hợp với từng bài toán thực tế, không áp dụng một mô hình khu thử nghiệm cứng nhắc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động quyết định khu vực trên cơ sở Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình. Phương án xác định các nội dung chủ yếu về mục tiêu, địa điểm, ranh giới, lĩnh vực, cơ chế pháp lý áp dụng và các yêu cầu chung khác. Trong cùng khu vực có thể triển khai đồng thời nhiều hoạt động thử nghiệm, kể cả hoạt động liên ngành, liên lĩnh vực; tuy nhiên, việc xác định khu vực không làm phát sinh quyền tự động thử nghiệm.

Đối với doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm trong khu vực, các nội dung chung đã được xác định tại cấp khu không phải đánh giá, thẩm định lại. Doanh nghiệp vẫn phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép đối với hoạt động cụ thể và được xử lý theo nhánh rút gọn với thời hạn 25 ngày làm việc. Sau khi được cấp phép, hoạt động thử nghiệm trong khu vực và thử nghiệm từng sản phẩm, dịch vụ áp dụng thống nhất các quy định về gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, kết thúc, giám sát, báo cáo và đánh giá kết quả.

3.3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường phối hợp trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

a) Phân định thẩm quyền trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

Dự thảo sửa đổi Điều 16 theo hướng phân định rõ thẩm quyền giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, thẩm định và quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; đồng thời quyết định xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm và phê duyệt, điều chỉnh Phương án tổ chức khu vực. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng Phương án tổ chức khu vực; là đầu mối quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động của khu vực; tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trong khu vực. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan tiếp tục thực hiện quản lý nhà nước, phối hợp xử lý vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện hành quy định bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công

nghệ số thuộc lĩnh vực quản lý khi không gian, phạm vi hoặc đối tượng thử nghiệm được triển khai trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. Qua rà soát, dự thảo Nghị định không tiếp tục duy trì cơ chế cấp một Quyết định thử nghiệm chung ở cấp trung ương mà phân định thẩm quyền theo địa bàn triển khai hoạt động thử nghiệm. Theo đó, từng địa phương xem xét, quyết định đối với phần hoạt động thử nghiệm thuộc địa bàn quản lý; các địa phương và cơ quan có liên quan thực hiện phối hợp trong quá trình tổ chức, quản lý, giám sát và xử lý các vấn đề phát sinh.

Việc sửa đổi này xuất phát từ bản chất của hoạt động thử nghiệm có kiểm soát. Quyết định cấp phép không chỉ xem xét đặc tính công nghệ hoặc lĩnh vực chuyên môn của sản phẩm, dịch vụ mà còn phải xác định cụ thể không gian, phạm vi, quy mô, đối tượng tham gia, điều kiện triển khai, biện pháp bảo đảm an toàn, cơ chế giám sát, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố. Các nội dung này gắn trực tiếp với địa bàn, điều kiện hạ tầng, môi trường, dân cư và năng lực tổ chức quản lý, ứng phó của chính quyền địa phương. Vì vậy, giao cơ quan có thẩm quyền tại địa phương quyết định đối với phần hoạt động diễn ra trên địa bàn sẽ bảo đảm thống nhất giữa thẩm quyền cấp phép với trách nhiệm trực tiếp quản lý, giám sát và xử lý các vấn đề phát sinh sau cấp phép.

Tính chất liên tỉnh của hoạt động thử nghiệm chủ yếu phản ánh việc mở rộng không gian triển khai, không nhất thiết làm phát sinh một đối tượng quản lý thống nhất phải được cấp phép bằng một Quyết định chung của cơ quan trung ương. Trong từng địa phương, phạm vi hoạt động, điều kiện hạ tầng, yêu cầu an toàn, đối tượng tham gia và phương án kiểm soát rủi ro có thể khác nhau. Việc phân định thẩm quyền theo địa bàn giúp xác định rõ đầu mối chịu trách nhiệm, tăng tính chủ động của địa phương, hạn chế việc tách rời giữa cơ quan ban hành Quyết định cấp phép và cơ quan trực tiếp theo dõi, kiểm tra, xử lý sự cố. Trường hợp cùng một sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động thử nghiệm được triển khai tại nhiều địa phương, từng địa phương xem xét, quyết định đối với phần hoạt động thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở các điều kiện, tiêu chí, hồ sơ và biểu mẫu thống nhất tại Nghị định; đồng thời phối hợp trong quản lý, giám sát và xử lý các vấn đề có tính liên địa bàn.

Việc không tiếp tục giao bộ, cơ quan ngang bộ và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thẩm quyền cấp phép thử nghiệm chỉ căn cứ vào tiêu chí hoạt động được triển khai tại từ 02 tỉnh, thành phố trở lên không làm thay đổi hoặc hạn chế thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan trung ương. Các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục thực hiện xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thi hành pháp luật chuyên ngành; ban hành hoặc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu chuyên môn; kiểm tra, giám sát và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Quyết định cấp phép thử nghiệm theo Nghị định không thay thế các giấy phép, chấp thuận hoặc thủ tục chuyên ngành khác mà tổ chức,

doanh nghiệp phải thực hiện theo pháp luật có liên quan.

Riêng đối với Bộ Quốc phòng, việc không tiếp tục quy định Bộ trưởng Bộ Quốc phòng là chủ thể cấp phép thử nghiệm có kiểm soát theo tiêu chí phạm vi liên tỉnh không đồng nghĩa với việc chuyển giao hoặc thu hẹp thẩm quyền quản lý về quốc phòng, an ninh và các thẩm quyền chuyên ngành khác. Hoạt động thử nghiệm có liên quan đến khu vực, công trình, phương tiện, thiết bị hoặc lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng vẫn phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, điều kiện, giấy phép hoặc chấp thuận theo pháp luật chuyên ngành. Bộ Quốc phòng tiếp tục thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và phối hợp xử lý theo thẩm quyền; cơ quan có thẩm quyền tại địa phương chỉ quyết định cấp phép trong phạm vi cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo Nghị định.

Như vậy, việc sửa đổi không loại bỏ vai trò quản lý chuyên ngành của cơ quan trung ương mà điều chỉnh phương thức thực hiện thẩm quyền theo nguyên tắc: địa phương quyết định và chịu trách nhiệm đối với hoạt động diễn ra trên địa bàn; cơ quan trung ương thực hiện quản lý theo ngành, lĩnh vực, hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra, giám sát và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh. Cách tiếp cận này bảo đảm phân quyền, phân cấp thực chất, gắn thẩm quyền với trách nhiệm quản lý trực tiếp, đồng thời duy trì đầy đủ yêu cầu quản lý chuyên ngành và phối hợp liên ngành, liên địa bàn. Dự thảo hiện đã phân định thẩm quyền cấp phép cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời tiếp tục quy định trách nhiệm phối hợp của bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan.

b) Bảo đảm thống nhất với pháp luật chuyên ngành

Dự thảo không tiếp tục quy định riêng tại Điều 16 về thẩm quyền cấp phép thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, do lĩnh vực này đã có pháp luật chuyên ngành quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát riêng. Đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực đã có pháp luật chuyên ngành quy định riêng về thử nghiệm có kiểm soát thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, tránh chồng chéo về thẩm quyền, điều kiện và trình tự, thủ tục.

c) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ

Dự thảo không tạo thêm thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, doanh nghiệp, tiếp tục duy trì 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh hiện hành gồm: đề nghị thử nghiệm, gia hạn, kết thúc và điều chỉnh thử nghiệm. Mẫu số TNCNS01 và TNCNS02 được sửa để sử dụng chung cho hai phương thức; Mẫu số TNCNS12 là mẫu Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định khu vực, không phải thủ tục hành chính do doanh nghiệp thực hiện.

Đối với thử nghiệm trong khu vực, thời hạn cấp phép là 25 ngày làm việc, do các nội dung chung đã được xác định tại cấp khu nên không phải đánh giá, thẩm

định lại. Đồng thời, dự thảo thực hiện các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thời hạn giải quyết theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.

d) Bảo đảm phân cấp đi đôi với kiểm soát rủi ro

Phân cấp cho địa phương được thực hiện đồng thời với yêu cầu xác định rõ phạm vi, thời gian, không gian, đối tượng, điều kiện thử nghiệm; cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố. Hoạt động thử nghiệm vẫn phải được cấp phép và thực hiện đúng nội dung được cấp phép.

3.4. Hoàn thiện quy định về không gian, thời gian và phạm vi thử nghiệm có kiểm soát

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định không gian thử nghiệm có thể giới hạn tại một hoặc một số khu vực, địa bàn hoặc toàn bộ địa bàn. Dự thảo không thay đổi nguyên tắc này mà làm rõ thêm không gian số và cơ chế kết hợp giữa không gian thực tế với không gian số, phù hợp với đặc thù của công nghệ số.

Thứ nhất, không gian thử nghiệm có thể bao gồm không gian thực tế, không gian số hoặc kết hợp giữa hai loại không gian. Không gian số được xác định theo hệ thống thông tin, nền tảng số, dữ liệu, nhóm người sử dụng, đối tượng tương tác hoặc giới hạn kỹ thuật phù hợp để bảo đảm khả năng quản lý, giám sát.

Thứ hai, dự thảo gắn thẩm quyền xác định không gian với thẩm quyền cấp phép tại Điều 16; đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, không gian của từng hoạt động phải nằm trong phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực đã được xác định.

Thứ ba, thời gian, phạm vi, đối tượng và quy mô thử nghiệm tiếp tục được xác định cụ thể trong từng Quyết định cấp phép. Vì vậy, dù khu vực có thể tiếp nhận nhiều hoạt động, không có việc cấp quyền thử nghiệm chung, không xác định hoặc mở rộng tự động quyền của doanh nghiệp.

3.5. Một số nội dung khác

Bên cạnh các nội dung về khu vực thử nghiệm, dự thảo rà soát các quy định liên quan để bảo đảm thống nhất với cơ chế mới, tập trung vào áp dụng pháp luật, thủ tục hành chính, biểu mẫu, thời hạn giải quyết và quy định chuyên tiếp.

- Hoàn thiện quy định về áp dụng pháp luật trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát:

Dự thảo làm rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật trong thử nghiệm: tổ chức, doanh nghiệp vẫn phải tuân thủ pháp luật hiện hành, trừ các quy định được phép không áp dụng, được phép áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế được xác định trong phạm vi cơ chế thử nghiệm của Nghị định.

- Rà soát, hoàn thiện thủ tục hành chính, biểu mẫu và quy định chuyên tiếp:

Dự thảo giữ hệ thống 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh hiện hành, không tạo thủ tục mới cho tổ chức, doanh nghiệp; đồng thời sửa Mẫu số TNCNS01, Mẫu số TNCNS02 để dùng chung cho hai phương thức, bổ sung Mẫu số TNCNS12 cho Quyết định xác định khu vực và quy định chuyển tiếp để bảo đảm hoạt động đang thực hiện không bị gián đoạn. Các nội dung cắt giảm thời hạn được thực hiện thống nhất với Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.

- Bảo đảm thống nhất với pháp luật chuyên ngành: Dự thảo không thiết kế cơ chế thử nghiệm có kiểm soát chồng lấn với các cơ chế sandbox chuyên ngành đã được pháp luật quy định.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Về bảo đảm nguồn lực

a) Về nguồn kinh phí:

- Kinh phí bảo đảm thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước quy định tại Nghị định được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật có liên quan;

- Nguồn lực bảo đảm tổ chức triển khai khu vực thử nghiệm được xác định trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Địa phương chủ động bố trí nguồn lực phù hợp với quy mô, lĩnh vực và mức độ rủi ro của khu vực; trường hợp huy động nguồn lực xã hội hóa phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc sửa đổi tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao không làm phát sinh nhu cầu kinh phí mới từ ngân sách nhà nước.

b) Về nhân lực:

- Việc triển khai Nghị định không làm phát sinh bắt buộc về biên chế hoặc thành lập cơ quan chuyên trách mới.

- Việc phân cấp được gắn với trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm của cơ quan đầu mối quản lý khu vực; qua đó bảo đảm địa phương chủ động nhưng phải chịu trách nhiệm về tổ chức, giám sát, kiểm soát rủi ro và xử lý các vấn đề phát sinh.

- Việc thực hiện các quy định sửa đổi về nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao được thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và nhân lực hiện có, không làm phát sinh biên chế hoặc tổ chức mới.

2. Thời gian trình Chính phủ: trước ngày 31/12/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản so sánh thuyết minh; (3) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo; kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (4) Bảng tổng hợp ý kiến góp ý, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức đối với dự thảo Nghị định (góp ý lần 1); (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&CN: Cục CNCNTT; Vụ PC, VP Bộ;
- Lưu: VT, CNCNTT.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân